

Ngày 31/10/2025

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách Luật Tiếp cận thông tin

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến các chính sách

Trên thế giới, ngày càng có nhiều quốc gia nhận thức rõ tầm quan trọng của Luật tiếp cận thông tin và ban hành Luật này không chỉ để bảo đảm một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của Chính phủ, tăng cường tính minh bạch, dân chủ trong hoạt động của các cơ quan Chính phủ¹. Tính đến năm 2019, UNESCO đã thống kê 125 quốc gia có ban hành luật hay văn bản pháp lý tương đương quy định về quyền tiếp cận thông tin².

Trong những năm gần đây, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trên thế giới đã có nhiều thay đổi lớn. Số hóa và chuyển đổi số là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy các quốc gia phải liên tục xem xét và điều chỉnh khung pháp lý về tiếp cận thông tin. Xu hướng chung là tăng cường tính minh bạch thông qua công khai chủ động (dữ liệu mở, chính phủ điện tử), đồng thời đối mặt với các thách thức mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý thông tin do AI tạo ra và an ninh mạng. Đây là một quá trình liên tục và phức tạp, đòi hỏi sự linh hoạt trong xây dựng và thực thi pháp luật.

Các nước phát triển như Anh, Canada, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand... thường xuyên rà soát và cập nhật luật tiếp cận thông tin của họ để thích nghi với sự thay đổi của công nghệ và các hình thức thông tin mới. Họ đã có các quy định về dữ liệu mở và chính phủ điện tử từ sớm. Liên minh Châu Âu (EU) đã đi đầu trong việc ban hành các quy định về bảo vệ dữ liệu có ảnh hưởng lớn đến cách thức các cơ quan công quyền xử lý và công khai thông tin. Các quốc gia thành viên EU cũng thường xuyên rà soát luật tiếp cận thông tin của mình để đảm bảo phù hợp với các quy định chung của EU và bối cảnh số hóa.

Một trong những thay đổi nền tảng nhất là việc định nghĩa lại khái niệm "tài liệu" cho kỹ nguyên số. Phán quyết mang tính bước ngoặt của Tòa án Công lý EU trong vụ kiện liên quan đến các tin nhắn văn bản giữa Chủ tịch Ủy ban

¹ Xem: Báo cáo Tự do thông tin thế giới năm 2006.

² <https://sdg.iisd.org/news/unesco-finds-125-countries-provide-for-access-to-information/>

Châu Âu và CEO của Pfizer đã khẳng định rằng định dạng không quan trọng; các phương tiện liên lạc phi chính thức như tin nhắn vẫn được coi là tài liệu chính thức nếu nội dung của chúng liên quan đến hoạt động của cơ quan. Phán quyết này đã thiết lập một nghĩa vụ quan trọng cho các cơ quan công quyền phải ghi nhận và lưu giữ các thông tin liên lạc quan trọng, bất kể định dạng, để đảm bảo quyền tiếp cận của công chúng không bị vô hiệu hóa.

Song song đó, một xu hướng triết lý lớn đã diễn ra: sự chuyển dịch từ mô hình "quyền được yêu cầu" mang tính phản ứng sang "nghĩa vụ công bố" chủ động. Các quốc gia như Hà Lan với Đạo luật Chính phủ Mở (Woo) và các tiểu bang của Đức như Hamburg đã đi đầu trong việc bắt buộc các cơ quan chính phủ phải chủ động công bố một loạt các loại thông tin quan trọng - từ ngân sách, hợp đồng đến các báo cáo điều tra - trên các cổng thông tin trung tâm, dễ truy cập.

Đạo luật AI của EU, được thông qua vào năm 2024, đã đặt nền móng cho "quyền được giải thích", yêu cầu minh bạch về cách các thuật toán rủi ro cao đưa ra quyết định ảnh hưởng đến công dân. Tuy nhiên, quá trình cải cách không phải không có thách thức, như cân bằng giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư, sự chậm trễ, chủ quan trong thực thi pháp luật.

Như vậy, bối cảnh quốc tế hiện nay cho thấy việc sửa đổi Luật Tiếp cận thông tin không chỉ giúp đáp ứng các cam kết quốc tế mà còn góp phần vào việc bảo vệ quyền lợi công dân.

b) Bối cảnh trong nước (chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội...) liên quan đến các chính sách.

(i) Bối cảnh chính trị

- Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2025-2030 là: “*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức*”. Bên cạnh đó, nhiều Nghị quyết của Đảng được ban hành trong thời gian qua cũng có nội dung liên quan đến yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiếp cận thông tin, như: Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số

66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân...

- Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở nước ta hiện đang chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, chủ động nhận diện, dự báo, cảnh báo vi phạm từ sớm, từ xa, phát huy vai trò và tính chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và sự giám sát của Nhân dân để phòng ngừa tham nhũng ngay từ cơ sở³. Việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ góp phần thực hiện phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

(ii) Bối cảnh pháp lý

Luật Tiếp cận thông tin được ban hành từ năm 2016, cách đây gần 10 năm, khi điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta và tình hình thế giới có nhiều khác biệt so với hiện nay. Bên cạnh đó, trong những năm qua, đã có nhiều luật mới được ban hành có liên quan đến quyền tiếp cận thông tin và hoạt động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước, như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật lưu trữ năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025... Có một số luật có liên quan đến tiếp cận thông tin được ban hành cùng hoặc sau thời điểm năm 2016, nhưng đã và đang được đề xuất sửa đổi, bổ sung như Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Báo chí, Luật An ninh mạng, Luật Phòng, chống tham nhũng, v.v... Trong thời gian tới, một số luật có liên quan đến tiếp cận thông tin cũng sẽ được đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, như Luật Chuyển đổi số (thay thế Luật Công nghệ thông tin năm 2006). Đặt trong bối cảnh đó, thực tiễn đòi hỏi cần có sự sửa đổi, bổ sung Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm phù hợp, tương thích, thống nhất với hệ thống pháp luật.

(iii) Bối cảnh kinh tế - xã hội

- Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, khái niệm thông tin, dữ liệu và hình thức công khai thông tin, tiếp cận thông tin đã có nhiều thay đổi.

Sự phát triển của công nghệ số dẫn đến sự xuất hiện của nhiều hình thức lưu trữ và thể hiện thông tin mới, không chỉ là những văn bản chính thức (bản giấy, có chữ kí, con dấu). Các loại hình email, tin nhắn qua mạng điện thoại, và dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu điện tử ngày càng trở thành nơi diễn ra các hoạt động hoạch định chính sách và ra quyết định.

³ Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên họp 28 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngày 07/07/2025.

Các hình thức công bố, công khai, minh bạch thông tin cũng được đa dạng hóa nhờ những tiến bộ công nghệ. Nhiều Chính phủ chuyển từ công bố thông tin khi được yêu cầu sang công bố thông tin chủ động trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, công bố dữ liệu dưới hình thức Cổng Dữ liệu mở, v.v... đòi hỏi Luật Tiếp cận thông tin của Việt Nam cần được tiếp tục hoàn thiện để bắt kịp xu hướng này.

- Việc ban hành Luật tiếp cận thông tin nhằm tạo cơ hội cho các công dân được tiếp cận các *thông tin chính thức* của Nhà nước; từ đó góp phần giảm rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giúp cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước kịp thời nắm bắt thông tin (cũng là nắm bắt cơ hội đầu tư) để có thể mở rộng, phát triển kinh doanh, xây dựng các kế hoạch đầu tư dài hạn; góp phần tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia, thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Việc tiếp cận thông tin chính thức của Nhà nước cũng góp phần bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh, hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong nước tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế và đẩy mạnh quá trình hội nhập một cách chủ động, tích cực của các thành phần kinh tế nói riêng và của đất nước nói chung.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Các mục tiêu xây dựng chính sách về tiếp cận thông tin bao gồm:

- Bảo đảm quyền cơ bản, quyền hiến định - quyền tiếp cận thông tin của công dân; tạo thuận lợi cho người dân có thể tham gia vào quá trình ra quyết định; góp phần xây dựng xã hội dân chủ;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách, tài sản công; góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

- Tạo cơ chế pháp lý ràng buộc các cơ quan công quyền phải công khai thông tin chủ động và cung cấp thông tin theo yêu cầu và tăng cường tính minh bạch trong quản lý nhà nước; tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong việc cung cấp thông tin, công khai thông tin; nâng cao chất lượng dịch vụ công; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Tăng cường sự tham gia của công chúng, khuyến khích người dân, sử dụng thông tin công để tham gia phản biện chính sách, góp ý vào các dự án phát triển và giám sát việc thực thi pháp luật.

- Bảo vệ thông tin: cân bằng giữa công khai thông tin và bảo mật thông tin, Thiết lập ranh giới pháp lý rõ ràng giữa thông tin phải công khai và các loại thông tin bị hạn chế tiếp cận (như bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh), đảm bảo an ninh quốc gia và quyền riêng tư của cá nhân.

- Quản lý thông tin hiệu quả và thúc đẩy chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; góp phần thúc đẩy xây dựng Chính phủ điện tử, chính phủ số và nền kinh tế số.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. CHÍNH SÁCH 1: MỞ RỘNG CHỦ THỂ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN

A. Xác định vấn đề bất cập

Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân. Quy định “cơ quan nhà nước” có trách nhiệm cung cấp thông tin còn gây lúng túng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực thi Luật Tiếp cận thông tin. Đồng thời, thời gian qua, một số luật được ban hành quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân rộng hơn so với quy định của Luật Tiếp cận thông tin hiện hành. Bên cạnh đó, các thông tin mà người dân có nhu cầu tiếp cận không chỉ do cơ quan nhà nước nắm giữ (cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, lập pháp, chính quyền địa phương...) mà còn có nhu cầu tiếp cận thông tin do các cơ quan khác nắm giữ như các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

Ngoài ra, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp, theo đó, không quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Luật Tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội đã sáp nhập thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Ngoài ra, để phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì không quy định trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Luật. Do đó, quy định về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin tại Luật cần điều chỉnh cho phù hợp.

B. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định cụ thể chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin nhằm đạt được các mục tiêu: (1) Xác định rõ và ràng buộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin, công khai thông tin nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trở nên khả thi hơn; (2) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, các chủ thể tạo ra thông tin; (3) Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức một cách đầy đủ nhất; bảo đảm tính toàn diện của thông tin; (4) Tăng tính hiệu quả trong quản lý, điều hành của mỗi chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin nói riêng và của Nhà nước nói chung.

C. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện hành. Hiện nay, Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin. Các cơ quan này bao gồm: các cơ quan hành chính nhà nước (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp); Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia; Chủ tịch nước và cơ quan của Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm toán Nhà nước.

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Giữ nguyên như hiện hành có nghĩa là không sửa đổi quy định về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời chưa phù hợp với quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân. Quy định “cơ quan nhà nước” có trách nhiệm cung cấp thông tin còn gây lúng túng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực thi Luật Tiếp cận thông tin xác định cơ quan cụ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin (có tình trạng công dân làm đơn yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với thông tin do đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước tạo ra và nắm giữ).

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

Việc không có quy định tập trung, đầy đủ phạm vi những cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin gây khó khăn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin, chưa tạo cơ chế hữu hiệu để người dân tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời, chưa minh bạch và chưa rõ trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Thêm vào đó, không mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin dẫn đến người dân không được tiếp cận đầy đủ các thông tin cần thiết cũng làm hạn chế sự tham gia của tổ chức, công dân vào hoạt động quản lý nhà nước với tư cách là người giám sát, phản biện; đồng thời, không được tiếp cận thông tin mà mình có nhu cầu tiếp cận trong đó có thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân.

b) Giải pháp 2: Quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thực hiện Phương án này

chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin như giải pháp 1, đồng thời, bao gồm cả tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan của Đảng, các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức sử dụng tài sản, tài chính nhà nước.

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin tương tự như phương án 1, do đó, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật như đã phân tích tại giải pháp 1. Đối với các tổ chức chính trị và các cơ quan của Đảng ban hành các chủ trương, định hướng lớn, chỉ đạo về các lĩnh vực của đời sống xã hội, đây là cơ sở để các cơ quan, tổ chức tham mưu trong quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật hoặc tổ chức thực hiện trong hệ thống cơ quan đảng, tổ chức chính trị đối với tổ chức đảng và đảng viên. Đồng thời, với mục tiêu cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin của công dân theo Hiến pháp năm 2013, Luật Tiếp cận thông tin điều chỉnh mối quan hệ về tiếp cận thông tin giữa nhà nước và công dân.

Đối với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức sử dụng tài sản, tài chính của nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nội quy, quy chế của tổ chức và pháp luật có liên quan. Ví dụ: Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện nội dung số 9 trong Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới⁴: nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ chức chính trị xã hội cũng như các cơ quan, tổ chức khác phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước trong việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện về công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước...

Do đó, không cần thiết quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức sử dụng tài sản, tài chính của nhà nước tại Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

⁴ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

Đối với các chủ trương, chính sách, định hướng và chỉ đạo của tổ chức chính trị và các cơ quan của đảng được cập nhật, công khai bằng nhiều cách thức, hình thức theo nội quy, quy chế của tổ chức chính trị; đồng thời, các thông tin của tổ chức chính trị và cơ quan của đảng tạo ra cần được thể chế hóa bằng quy định pháp luật để công dân thực hiện. Do đó, các thông tin này có tác động đến kinh tế - xã hội, nhưng mức độ cụ thể của chủ trương thực hiện theo quy định của pháp luật, do đó, không cần thiết quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân của tổ chức chính trị, cơ quan của đảng tại Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi). Như trên đã nêu, đối với các tổ chức có sử dụng tài sản, tài chính từ ngân sách nhà nước như tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đã được thực hiện công khai thông tin theo quy định của nội quy, quy chế và pháp luật chuyên ngành về đầu tư công, ngân sách nhà nước và từng lĩnh vực cụ thể,... Trường hợp công dân cần thông tin thì yêu cầu thực hiện cung cấp thông tin theo quy định tại nội quy, quy chế và pháp luật chuyên ngành.

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân.

c) Giải pháp 3: Quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, cụ thể: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, Kiểm toán nhà nước; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ các trường hợp sau đây: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Kiểm toán nhà nước; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; UBND cấp xã.

Nội dung của phương án: (i) mở rộng so với pháp luật hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; (ii) bên cạnh đó, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy thì chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin được điều chỉnh, cụ thể: + thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp không quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn

thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; + quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện cung cấp thông tin do sắp xếp tổ chức bộ máy (sáp nhập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân); + điều chỉnh trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin do các cơ quan cấp mình tạo ra do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân cấp xã; (iii) Bên cạnh đó, không quy định trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra để phù hợp với nguyên tắc phân quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đồng thời, để tạo linh hoạt cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan, đơn vị giúp thực hiện cung cấp thông tin.

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tính hợp hiến: Việc quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hướng mở rộng góp phần bảo đảm hơn nữa quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

- Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật:

Thời gian qua, để phù hợp với chủ trương của Đảng về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và nhu cầu cao trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, một số luật được ban hành quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân rộng hơn so với quy định của Luật hiện hành, như: Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Dân chủ ở cơ sở năm 2022 (sửa đổi, bổ sung năm 2024, 2025), Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật lưu trữ năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (thay thế Luật Khoa học và công nghệ năm 2025)... Có một số luật có liên quan đến tiếp cận thông tin đã và đang được đề xuất sửa đổi, bổ sung như Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Báo chí, Luật An ninh mạng, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển đổi số (thay thế Luật Công nghệ thông tin năm 2006),... Do đó, cần thiết mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin, sửa đổi quy định về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, Hiến pháp và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện và tổ chức 03 cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đồng thời, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh được sáp nhập và có tên gọi là Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Luật Tổ chức Quốc hội cũng đã quy định trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, quy việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về nguyên tắc phân quyền cho chính quyền địa phương, vì vậy

việc quy định trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Luật hiện hành cũng cần được nghiên cứu, cân nhắc.

Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện (khoản 3 Điều 3). Dịch vụ công cơ bản, thiết yếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật về ngân sách nhà nước, gồm: Các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo; khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; chăm sóc người có công và bảo trợ xã hội,... các dịch vụ này do nhà nước đảm bảo, do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện và khó có thể xã hội hóa. Mục đích chính của các đơn vị này là phục vụ lợi ích chung của xã hội và nhà nước, không vì mục tiêu lợi nhuận. Đồng thời, tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập xác định: *"Nhà nước chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho mọi tầng lớp nhân dân trên cơ sở giữ vững, phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ đạo, vị trí then chốt, bản chất tốt đẹp, ưu việt, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của các đơn vị sự nghiệp công lập"*. Do đó, công dân có nhu cầu cung cấp thông tin trong các lĩnh vực này, vì vậy cần thiết điều chỉnh chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hướng mở rộng.

Với những lý do nêu trên, cần thiết mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin tại Luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với nhu cầu yêu cầu cung cấp thông tin của công dân. Thực hiện theo giải pháp này không dẫn đến phải sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Việc sửa đổi quy định hiện hành về phạm vi thông tin công khai theo hướng đồng bộ với các luật chuyên ngành thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Thông tin mà người dân có nhu cầu tiếp cận không chỉ do cơ quan nhà nước nắm giữ (cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, lập pháp, chính quyền địa phương...) mà người dân còn có nhu cầu tiếp cận thông tin do các cơ quan khác

nắm giữ như các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu vì liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân.

- Thông qua quy định về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hướng mở rộng, quyền tiếp cận thông tin của người dân mang tính thực tiễn và có tính khả thi hơn vì công dân có đầy đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin. Khi có nhu cầu được biết thông tin liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình, người dân sẽ chủ động yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp, và vì vậy người dân không còn phụ thuộc vào việc chủ động công khai thông tin của cơ quan nhà nước. Việc tiếp cận thông tin, vì thế, cũng kịp thời hơn, đầy đủ hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu được biết thông tin và hiệu quả của việc sử dụng thông tin cũng được tăng lên.

Có được thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và do chính cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu cung cấp một cách chính thức, người dân sẽ bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Người dân, doanh nghiệp có thêm cơ sở để xây dựng cho mình kế hoạch hoạt động mang tính khả thi hơn và đem lại những lợi ích lớn hơn từ việc thực hiện các kế hoạch đó. Người dân còn có thể tiết kiệm được khoản chi phí cho việc thu thập, nghiên cứu, phân tích, tìm kiếm thông tin do họ được chia sẻ thông tin về các kết quả nghiên cứu, điều tra, thống kê... do cơ quan nhà nước đã tiến hành. Với cơ chế cung cấp thông tin mở, trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin được quy định rõ ràng, người dân cũng hưởng nhiều lợi ích từ việc giảm tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình cung cấp thông tin cho công dân.

Như trên đã nêu, khi các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin được quy định rõ, người dân cũng có thêm cơ hội và điều kiện để tham gia một cách hiệu quả hơn vào quá trình xây dựng và hoạch định chính sách và hưởng lợi từ việc thực thi những chính sách tốt. Người dân cũng sẽ tích cực, tự giác hơn trong việc thực thi những chủ trương, chính sách do họ có đầy đủ các thông tin liên quan đến chủ trương chính sách, họ nhận thức tốt hơn về trách nhiệm của mình. Khi niềm tin của người dân vào nhà nước được cải thiện, mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân ngày càng gắn bó, thì nguyện vọng của nhân dân ngày càng được phản ánh sát hơn trong các chủ trương chính sách của nhà nước.

Ngoài ra, trong điều kiện hiện nay, phương tiện hữu hiệu nhất trong việc phổ biến và tìm kiếm thông tin là sử dụng công nghệ thông tin. Do vậy, với việc quy định rõ chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin, qua đó, làm tăng khối lượng thông tin được công khai cũng như khối lượng thông tin tìm kiếm và đây là một trong những động lực mạnh mẽ để ngành công nghệ thông tin phát triển. Sự phát triển của ngành công nghệ thông tin mang lại lợi ích cho cả hai khu vực nhà nước và ngoài nhà nước.

- Quy định rõ những chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin dẫn đến tăng chi phí ngân sách nhà nước để các chủ thể thực hiện trách nhiệm công khai

rộng rãi thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Chi phí này bao gồm chi phí cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu, thiết lập, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, chi phí cho việc công khai thông tin rộng rãi, chi phí cho nhân lực thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin, chi phí tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng về quyền tiếp cận thông tin... Tuy nhiên, nhiều khoản chi phí chỉ phát sinh trong thời gian đầu khi bắt đầu thực hiện Luật và sẽ giảm hoặc không còn cần thiết trong các năm tiếp theo.

Việc quy định chủ thể cung cấp thông tin không làm phát sinh nhiều chi phí đối với khu vực ngoài nhà nước và về cơ bản chỉ phát sinh khi người dân có nhu cầu tìm kiếm, tiếp cận thông tin. Các chi phí này bao gồm chi phí tìm kiếm thông tin được công khai rộng rãi, chi phí cho yêu cầu cung cấp thông tin và chi phí khiếu nại trong trường hợp người yêu cầu không thoả mãn với quyết định của chủ thể cung cấp thông tin.

(3) *Tác động về giới (nếu có)*: thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) *Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*: Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp.

So sánh giữa các giải pháp, dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) cần quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin gồm các cơ quan như Giải pháp 3 nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính khả thi trong việc thực hiện cung cấp thông tin cho công dân.

2. CHÍNH SÁCH 2: ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI THÔNG TIN MÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP

A. Xác định vấn đề bất cập

Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước, trong đó quy định Ủy ban nhân dân cấp xã ngoài việc cung cấp thông tin do mình **tạo ra** còn có trách nhiệm cung cấp thông tin **nhận được** do các cơ quan nhà nước khác tạo ra và cung cấp (khoản 1 Điều 9). Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 đến nay, quy định này đã không còn phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã mới. Cụ thể: Tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện phần lớn nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây (khoản 1, 4, 5, 6 Điều 22) và được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và phạm vi, nhiệm vụ quản lý của chính quyền địa phương cấp xã (khoản 1, 4, 5, 6, 9 Điều 22). Đồng thời, theo thông tin tại Báo cáo số 75-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về đánh giá sơ

bộ về khả năng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương tại 28 Nghị định của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền thẩm quyền, trong đó có “*tổng số 760 nhiệm vụ, quyền hạn của cấp huyện được điều chuyển, gồm 161 nhiệm vụ chuyển cho chính quyền cấp tỉnh thực hiện, chiếm tỷ lệ 21,18% và 599 nhiệm vụ chuyển cho UBND cấp xã thực hiện, chiếm tỷ lệ 78,82%*” (tiểu mục 1.1, mục IV, trang 12 Báo cáo).

Do đó, khối lượng thông tin do Ủy ban nhân dân cấp xã mới tạo ra (chưa kể thông tin nhận được) đã tăng nhiều so với trước đây. Bên cạnh đó, pháp luật chưa quy định UBND cấp xã có trách nhiệm công khai các thông tin UBND cấp xã *nhận được* do các cơ quan nhà nước khác tạo ra và cung cấp, do đó tính khả thi, hiệu quả của quy định phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã đối với thông tin nhận được là chưa cao.

Vì vậy, cần thiết điều chỉnh *phạm vi thông tin mà Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp* để đảm bảo phù hợp với đặc điểm, quy mô chính quyền cấp xã mới hiện nay.

B. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin do mình tạo ra
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả và tính khả thi trong hoạt động cung cấp thông tin của chính quyền địa phương cấp xã, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính và khối lượng công việc mới của Ủy ban nhân dân cấp xã.

C. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1. Giữ nguyên phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp: UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và nhận được

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tiêu cực:*

+ *Về tính hợp hiến:* Không phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

+ *Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật:*

Không phù hợp với mô hình và nhiệm vụ, quyền hạn mới của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận nhiều nhiệm vụ, quyền hạn mới dẫn đến khối lượng thông tin do chính quyền cấp xã tạo ra và nhận được tăng đột biến.

Không thống nhất với tinh thần xuyên suốt của Luật Tiếp cận thông tin “cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra”, ảnh hưởng đến tính khả thi của Luật này. Cần thiết bổ sung quy định về trách nhiệm công khai các thông tin UBND cấp xã nhận được.

- *Tích cực:*

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR.

(ii) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với cơ quan nhà nước

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã trao cho UBND cấp xã nhiều nhiều vụ, quyền hạn mới dẫn đến khối lượng thông tin do chính quyền cấp xã tạo ra và nhận được tăng đột biến. Do đó, với phạm vi thông tin rộng, UBND cấp xã phải thu thập, lưu trữ, rà soát và công bố nhiều loại thông tin không do mình tạo ra, trong khi công chức được phân công làm trách nhiệm này hiện nay chỉ là kiêm nhiệm, do vậy sẽ gây ra sức ép về khối lượng công việc cho công chức cấp xã, giảm hiệu suất lao động và ảnh hưởng đến chất lượng xử lý các nhiệm vụ phục vụ dân sinh khác như đăng ký hộ tịch, chứng thực, giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã, trong khi năng lực, nhân sự, hạ tầng còn hạn chế.

- Về sản xuất, kinh doanh, y tế, môi trường, giáo dục

+ *Tích cực:*

Việc UBND cấp xã tiếp tục cung cấp cả thông tin do mình tạo ra và thông tin nhận được từ các cơ quan khác giúp người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội tiếp cận nhanh, rộng hơn các nguồn thông tin liên quan đến đời sống, sản xuất (bao gồm các thông tin về sản xuất, kinh doanh, y tế, môi trường, giáo dục). Qua đó, nâng cao niềm tin của Nhân dân vào chính quyền, góp phần phòng ngừa tiêu cực, lãng phí và thúc đẩy quản trị công khai, minh bạch.

UBND cấp xã là cấp gần dân nhất, việc giữ nguyên phạm vi cung cấp thông tin giúp UBND cấp xã tiếp tục là “điểm cung cấp thông tin tổng hợp”, giúp người dân tiếp cận dễ dàng, nhanh chóng thông tin từ nhiều lĩnh vực mà không phải liên hệ với nhiều cơ quan khác nhau, qua đó giảm chi phí tìm kiếm thông tin và nâng cao tính minh bạch của môi trường đầu tư, kinh doanh ở cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

+ *Tiêu cực:* UBND xã cung cấp các thông tin mà mình nhận được tiềm ẩn rủi ro các thông tin đó đã được cập nhật (sửa đổi hay thay thế...) bởi cơ quan tạo ra thông tin, điều này sẽ gây hoang mang trong trường hợp thông tin giữa các kênh không thống nhất, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

đối với người được cung cấp thông tin theo yêu cầu đối với thông tin do UBND xã nhận được.

- Về quốc phòng - an ninh

+ *Tích cực*: Duy trì kênh thông tin ổn định tại cơ sở, củng cố sự gắn kết giữa chính quyền và người dân, qua đó tăng cường ổn định an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

+ *Tiêu cực*: Khi UBND cấp xã phải cung cấp cả các thông tin nhận được từ cơ quan khác, đặc biệt là thông tin nhạy cảm (liên quan đến quy hoạch, đất quốc phòng, hoạt động tôn giáo, di cư, quốc tịch...) thì nguy cơ rò rỉ hoặc cung cấp thông tin không đúng thẩm quyền là rất lớn. Nhiều xã chưa đủ năng lực kỹ thuật và nhân lực để kiểm soát an toàn thông tin, dễ dẫn tới lộ lọt thông tin gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng.

(iii) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

b) Giải pháp 2. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo hướng Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tiêu cực:

+ *Về tính hợp hiến*: Không phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp giống Giải pháp 1.

+ *Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật*:

Không phù hợp với mô hình và nhiệm vụ, quyền hạn mới của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và tinh thần xuyên suốt của Luật Tiếp cận thông tin giống Giải pháp 1.

+ Cần bổ sung quy định về trách nhiệm công khai các thông tin UBND cấp xã nhận được và điều chỉnh một số quy định hướng dẫn hiện hành (Nghị định 13/2018/NĐ-CP) để bảo đảm đồng bộ, khả thi.

- Tích cực:

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*: Mở rộng tối đa quyền tiếp cận thông tin của người dân, thể hiện cách tiếp cận “mở thông tin tối đa” theo tinh thần tại Công ước ICCPR.

(i) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với cơ quan nhà nước:

Làm gia tăng hơn nữa khối lượng thông tin mà UBND cấp xã phải cung cấp (bao gồm thông tin do UBND cấp xã tạo ra, nhận được, thu thập và hình thức nắm giữ khác) do đó gây sức ép nặng nề về khối lượng công việc cho công chức cấp xã hơn Giải pháp 1.

- Về sản xuất, kinh doanh, y tế, môi trường, giáo dục

+ *Tích cực*: Giống Giải pháp 1, người dân được tiếp cận đa dạng các thông tin không chỉ gồm thông tin do UBND cấp xã tạo ra, nhận được mà còn các thông tin do UBND thu thập hay hình thức nắm giữ khác.

+ *Tiêu cực*: Giống Giải pháp 1. Bên cạnh đó, giải pháp này còn tiềm ẩn rủi ro đối với các thông tin do UBND thu thập hay hình thức nắm giữ khác vì tính chính xác của các thông tin này không cao.

- Về quốc phòng - an ninh

+ *Tích cực*: Giống Giải pháp 1.

+ *Tiêu cực*: Giống Giải pháp 1 nhưng ở mức độ cao hơn vì thêm nguy cơ rò rỉ hoặc cung cấp thông tin không đúng thẩm quyền các thông tin do UBND thu thập hay hình thức nắm giữ khác.

(iii) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

c) Giải pháp 3. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp: UBND cấp xã không cung cấp đối với thông tin do mình nhận được

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực:

+ *Về tính hợp hiến*: Không phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quyền tiếp cận thông tin theo Hiến pháp năm 2013 vẫn được duy trì đầy đủ, người dân có thể gửi yêu cầu trực tiếp đến cơ quan tạo ra thông tin.

+ *Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật*:

Thống nhất với mô hình và nhiệm vụ, quyền hạn mới của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

Bảo đảm thống nhất với tinh thần xuyên suốt của Luật Tiếp cận thông tin là cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, bảo đảm tính chính xác của thông tin, bảo đảm tính khả thi Luật.

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*: Giảm gánh nặng giúp cấp xã thực

hiện tốt hơn trách nhiệm với thông tin cốt lõi (do mình tạo ra), bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR, gián tiếp hỗ trợ thực hiện cam kết quốc tế về minh bạch.

+ *Tiêu cực*: cần sửa đổi các quy định liên quan về phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 1, 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định 13/2028/NĐ-CP...).

(ii) Tác động về kinh tế - xã hội

- Đối với cơ quan nhà nước

+ *Tích cực*: Việc điều chỉnh phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của cấp xã theo hướng chỉ bao gồm thông tin do mình tạo ra sẽ giúp giảm đáng kể khối lượng công việc cho cấp xã. Cán bộ xã có thêm thời gian tập trung xử lý các nhiệm vụ phục vụ dân sinh khác như đăng ký hộ tịch, chứng thực, giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với điều kiện thực tế về nhân lực ở cấp xã.

+ *Tiêu cực*: Trong giai đoạn đầu chuyển đổi, có thể phát sinh lúng túng đối với người dân ở cấp xã chưa quen xác định đúng cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin. Do đó, cần có thời gian và chi phí tuyên truyền, phổ biến về các quy định mới về phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của chính quyền cấp xã để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của Giải pháp này.

- Về sản xuất, kinh doanh, y tế, môi trường, giáo dục

+ *Tích cực*: Người dân khi tiếp cận thông tin “tại nguồn” (cơ quan tạo ra thông tin) giúp bảo đảm thông tin nhận được có tính xác thực cao hơn, đặc biệt đối với các thông tin chuyên ngành như y tế, giáo dục, môi trường do cơ quan chuyên môn (Sở, phòng chuyên ngành) công bố trực tiếp sẽ chính xác hơn. UBND cấp xã chỉ công bố thông tin do UBND cấp xã tạo ra. Điều này giảm rủi ro gây hoang mang trong trường hợp thông tin giữa các kênh không thống nhất.

- *Tiêu cực*: thời gian và chi phí đi lại tăng lên cho người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu để yêu cầu thông tin của cơ quan nhà nước khác tạo ra (không phải Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình sinh sống). Cần tăng cường các biện pháp hỗ trợ cung cấp thông tin đối với các nhóm yếu thế, trong đó có dân tộc thiểu số và người già trong việc yêu cầu và tiếp cận thông tin, đặc biệt là thông tin của cơ quan nhà nước khác tạo ra (không phải Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình sinh sống), nếu không sẽ gây thiệt thòi cho các đối tượng này trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin.

- Về quốc phòng - an ninh

+ *Tích cực*: Việc UBND cấp xã chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra giúp giảm rủi ro công bố thông tin mật hoặc nhạy cảm do phân loại sai thông tin.

+ *Tiêu cực*: Trước đây, UBND cấp xã thường là kênh thông tin tổng hợp, nếu cấp xã không còn cung cấp thông tin nhận được, người dân sẽ ít được tiếp

cận thông tin chính thống, đầy đủ nêu các cơ quan khác tạo ra thông tin chậm trễ trong việc công khai, cung cấp thông tin, có thể tạo khoảng trống thông tin ở cơ sở, dễ bị các nguồn tin không chính thống hoặc sai lệch chi phối, ảnh hưởng đến an ninh ở cơ sở.

(iii) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn giải pháp 3. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo hướng Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra. Các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Bảo đảm phù hợp với đặc điểm, mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Theo đó, từ ngày 01/7/2025, UBND cấp xã được trao nhiều nhiệm vụ, quyền hạn mới dẫn đến khối lượng thông tin do UBND tạo ra tăng đột biến. Do đó, cần điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo hướng thu hẹp và tập trung vào thông tin mang tính cốt lõi là thông tin do Ủy ban nhân dân cấp xã tạo ra.

- Phân định rõ trách nhiệm kết hợp với thẩm quyền: cơ quan tạo ra thông tin chịu trách nhiệm công khai và cung cấp theo yêu cầu đối với thông tin đó. Khi cơ quan tạo thông tin trực tiếp chịu trách nhiệm cung cấp thông tin bảo đảm thông tin được cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, được xác thực, giảm sai lệch, mâu thuẫn giữa các nguồn.

- Giảm gánh nặng hành chính cho chính quyền cấp xã: Việc điều chỉnh phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã theo hướng chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra sẽ giúp giảm đáng kể khối lượng công việc cho cấp xã. Công chức cấp xã có thêm thời gian tập trung xử lý các nhiệm vụ phục vụ dân sinh khác như đăng ký hộ tịch, chứng thực, giải quyết thủ tục hành chính.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là mô hình của Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ – nơi cơ quan cung cấp thông tin chính là cơ quan tạo ra thông tin.

3. CHÍNH SÁCH 3: MỞ RỘNG PHẠM VI THÔNG TIN PHẢI CÔNG KHAI

A. Xác định vấn đề bất cập

Trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân và xã hội ngày càng tăng, nhất là đối với các thông tin liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở đó, thời gian qua, Quốc hội đã ban hành, sửa

đổi, bổ sung nhiều luật theo hướng mở rộng phạm vi thông tin phải công khai, minh bạch so với phạm vi thông tin phải công khai theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (ví dụ như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Luật Giá năm 2023, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Đất đai năm 2024; Luật Lưu trữ năm 2024; Luật Hóa chất năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước năm 2025...).

Do pháp luật không quy định rõ ràng, thống nhất về những loại thông tin được công bố công khai, nên người dân khó khăn trong việc nhận thức rõ quyền được thông tin của mình cũng như thiếu sự tin tưởng vào cơ chế minh bạch và cởi mở trong tiếp cận thông tin. Điều này dẫn đến thiếu sự tham gia của tổ chức, công dân vào việc giám sát, phản biện để hoàn thiện các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước. Do đó, dễ xảy ra tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất, thiếu bình đẳng; tình trạng lợi dụng quyền hạn để trục lợi từ thông tin nắm giữ gây nên sự bất bình đẳng, thiếu công bằng trong xã hội, biểu hiện rõ nhất là trên lĩnh vực đất đai, nhà ở, sử dụng tài sản công...

Vì vậy, đòi hỏi cần rà soát để quy định về việc mở rộng phạm vi thông tin được công khai sẽ cho phép việc tiếp cận thông tin được thực hiện nhanh chóng và đỡ tốn kém cả về phía người dân lẫn cơ quan tạo ra thông tin.

B. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc sửa đổi quy định của Luật Tiếp cận thông tin theo hướng mở rộng phạm vi thông tin phải công khai để bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành, phù hợp với xu thế cơ quan nhà nước mở rộng phạm vi thông tin phải công khai và chủ động công khai thông tin cho người dân, tăng hiệu quả điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin với vai trò luật chung.

C. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin công dân được tiếp cận

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tiêu cực:*

+ *Tính hợp hiến:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin phải công khai tại Luật Tiếp cận thông tin trong khi các luật chuyên ngành đã mở rộng phạm vi này dẫn đến quyền tiếp cận thông tin của công dân tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 có thể bị ảnh hưởng do việc áp dụng pháp luật không được thống nhất hoặc có tình trạng lợi dụng quyền hạn để trục lợi từ thông tin nắm giữ.

+ *Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin công dân được tiếp cận gây thiếu đồng bộ giữa các luật có điều chỉnh về phạm vi thông tin công khai, làm giảm hiệu quả của Luật Tiếp cận thông tin với vai trò luật chung điều chỉnh việc thực hiện

quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin công dân được tiếp cận không tác động tích cực đến nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết của Công ước ICCPR.

- *Tích cực:* Bảo đảm tính ổn định của quy định pháp luật hiện hành; không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật và các luật chuyên ngành khác.

(ii) Tác động về kinh tế - xã hội

- *Tác động tích cực:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành giúp tránh phát sinh chi phí đầu tư, khai thác, duy trì cơ sở dữ liệu cho việc công khai thông tin, qua đó giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

- *Tác động tiêu cực:*

+ Môi trường đầu tư, kinh doanh kém minh bạch và khó dự báo: Khi người dân không thể chắc chắn về phạm vi thông tin được công khai một cách nhất quán sẽ gây rủi ro trong kinh doanh tăng vọt. Chi phí để "có được thông tin" trở thành một loại chi phí giao dịch ẩn.

+ Người dân vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn ít có cơ hội tiếp cận thông tin chính thống sẽ là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước tin giả, tin sai lệch.

+ Các khiếu nại hành chính thường bắt nguồn từ việc người dân không được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Sự "vênh luật" gây tiềm ẩn khiếu nại, tranh chấp xã hội.

(iii) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

b) Giải pháp 2. Sửa đổi quy định theo hướng phạm vi thông tin được công khai là toàn bộ thông tin, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tích cực*

+ *Tính hợp hiến:* Việc quy định phạm vi thông tin được công khai là toàn bộ thông tin, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện có tác động tích cực nhằm bảo đảm cao nhất quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Điều 25 Hiến pháp năm 2013 và phù hợp với nguyên tắc hạn chế tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

+ *Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật*: Việc quy định phạm vi thông tin được công khai là toàn bộ thông tin, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện giúp tăng hiệu quả điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin với vai trò luật chung. Việc mở rộng tối đa phạm vi thông tin được công khai giúp Luật này có sức sống lâu dài hơn, đón đầu các nhóm thông tin mới sẽ phát sinh trong thời gian tới, tránh việc sửa đổi.

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*: Việc quy định phạm vi thông tin được công khai là toàn bộ thông tin, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện thể hiện nỗ lực và quyết tâm của Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR.

- *Tiêu cực*: Phải sửa đổi nhiều luật chuyên ngành có quy định phạm vi thông tin phải công khai để đồng bộ với Luật này, do đó tốn nhiều chi phí và nguồn lực cho việc sửa đổi.

(ii) Tác động về kinh tế - xã hội

- *Tích cực*:

Người dân được tiếp cận miễn phí nguồn thông tin lớn được công khai, dễ dàng tra cứu các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện. Người dân dễ dàng giám sát các thông tin do nhà nước, tổ chức, đơn vị tạo ra ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tăng niềm tin xã hội, giảm khiếu kiện đông người nhờ thông tin minh bạch.

Việc minh bạch tối đa các thông tin giúp thu hút đầu tư và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong kinh tế số, AI, blockchain, kinh tế dữ liệu, từ đó thúc đẩy nền kinh tế, sản xuất phát triển.

- *Tiêu cực*:

Rủi ro lộ lọt thông tin nhạy cảm, bí mật kinh doanh, bí mật nhà nước nếu danh mục thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện không đầy đủ, không cập nhật kịp. Giải pháp này yêu cầu cao về năng lực phân loại, kiểm soát truy cập cực kỳ chặt chẽ.

Việc không liệt kê cụ thể các thông tin phải công khai, không có cơ sở để xác định dẫn đến cơ quan nhà nước gặp khó khăn trong việc xác định các thông tin phải công khai như công khai chậm trễ sau khi chờ phân loại thông tin...

Có thể gây xáo trộn lao động ở khu vực công do tăng khối lượng thông tin phải công khai, yêu cầu cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực lớn để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chính sách này.

(iii) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

(iv) Tác động của thủ tục hành chính: Không có.

c) Giải pháp 3: Mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành

(i) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực:

+ *Tính hợp hiến:* Việc mở rộng phạm vi thông tin công dân phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành đang mở rộng phạm vi thông tin công khai có tác động tích cực nhằm bảo đảm cao nhất quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

+ *Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật:* Việc mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai có tác động tích cực bảo đảm đồng bộ và thống nhất hệ thống pháp luật cùng điều chỉnh về phạm vi thông tin công khai, tăng hiệu quả điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin với vai trò luật chung.

+ *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Việc mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai hiện nỗ lực và quyết tâm của Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR.

- Tiêu cực: Các quan hệ xã hội luôn phát triển nhanh chóng và đa dạng, những lĩnh vực mới (bao gồm các nhóm thông tin mới cần được công khai) sẽ tiếp tục phát sinh trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (kinh tế số, kinh tế dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...). Do đó nếu chỉ sửa đổi quy định hiện hành về phạm vi thông tin công khai theo hướng liệt kê các thông tin phải công khai, đồng bộ với các luật chuyên ngành hiện nay vẫn còn mang tính bị động, thiếu tính dẫn dắt và dự báo.

(ii) Tác động về kinh tế - xã hội

+ Tích cực:

Tăng cường minh bạch thông tin giúp tăng niềm tin xã hội, thu hút đầu tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo giống Giải pháp 2.

Việc đồng bộ các thông tin thông tin phải công khai, đặc biệt là các thông tin kinh tế - xã hội quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, được người dân quan tâm như thông tin về y tế, môi trường, đất đai, nhà ở, thị trường việc làm... giúp người dân dễ dàng thực hiện quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát của mình đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

+ *Tiêu cực:* phát sinh chi phí đầu tư, khai thác, duy trì cơ sở dữ liệu cho việc công khai thông tin, yêu cầu cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chính sách này.

(iii) **Tác động về giới:** Không có tác động về giới.

(iv) **Tác động của thủ tục hành chính:** Không có.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn giải pháp 3. Mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành. Các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

(i) **Đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất của hệ thống pháp luật:** Hiện nay, nhiều luật chuyên ngành quy định phạm vi công khai rộng hơn Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin 2016. Cơ quan nhà nước có cơ sở pháp lý thống nhất để thực hiện, tránh tình trạng nơi công khai, nơi né tránh. Nếu không sửa, sẽ tồn tại xung đột và chồng chéo, gây khó khăn cho thực thi.

(ii) **Đáp ứng yêu cầu minh bạch, phòng chống tham nhũng:** Đồng bộ hóa với luật chuyên ngành giúp mở rộng thông tin công khai trong đất đai, tài sản công, việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác... Góp phần giảm tiêu cực, nâng cao hiệu quả giám sát của người dân và xã hội.

(iii) **Khả thi và an toàn hơn so với phương án công khai tối đa:** Vẫn giữ mô hình “liệt kê thông tin phải công khai” nhưng được mở rộng, đồng bộ với thực tiễn. Giảm rủi ro lộ lọt thông tin mật, bí mật kinh doanh, thông tin cá nhân so với phương án 2: *công khai toàn bộ trừ bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện*.

Tóm lại, sửa đổi Luật Tiếp cận thông tin theo hướng mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành sẽ góp phần tăng cường tính minh bạch, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa khả thi và an toàn trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

4. CHÍNH SÁCH 4: ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI THÔNG TIN CÔNG DÂN KHÔNG ĐƯỢC TIẾP CẬN VÀ TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

A. Xác định vấn đề bất cập

Qua tổng kết 07 năm thi hành Luật Tiếp cận thông tin cho thấy, quy định về phạm vi thông tin được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện còn khó phân định, dẫn đến cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Việc xác định thông tin không được tiếp cận quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật (“Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác...”) gặp khó khăn do không có tiêu chí cụ thể, còn định tính, việc xác định dựa vào ý chí chủ quan của người cung cấp thông tin. Quy định về “*trường hợp cần thiết vì lợi ích*

cộng đồng, sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật có liên quan” tại khoản 3 Điều 7 của Luật cũng chưa có hướng dẫn cụ thể nên các cơ quan còn lúng túng trong áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, chưa có quy định hướng dẫn cụ thể nội dung tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp cận thông tin về “thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan” ...

B. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phân định phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và cơ quan nhà nước dễ dàng xác định được giới hạn phạm vi thông tin không được tiếp cận và những điều kiện cần đáp ứng khi có nhu cầu tiếp cận/cung cấp thông tin có điều kiện.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định của Luật Tiếp cận thông tin với các luật mới được ban hành trong thời gian qua.

- Giúp tạo môi trường lành mạnh để thu hút các nhà đầu tư khi có nhu cầu tiếp cận thông tin có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

C. Đánh giá tác động

c) Giải pháp 1: Không sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân hạn chế tiếp cận và tiếp cận có điều kiện

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tính hợp hiến:

+ Tác động tích cực: Luật Tiếp cận thông tin 2016 được xây dựng nhằm cụ thể hóa quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân tại Hiến pháp 2013. Do đó, trường hợp không sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân hạn chế tiếp cận và tiếp cận có điều kiện thì vẫn bảo đảm phù hợp và cụ thể hóa được quyền tiếp cận thông tin tại Điều 25 Hiến pháp 2013.

+ Tác động tiêu cực: Các khái niệm như “thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác...” chưa được định nghĩa rõ. Điều này có thể khiến cơ quan nhà nước tùy tiện từ chối cung cấp thông tin, làm giảm hiệu lực của quyền hiến định.

- Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật:

+ Tác động tích cực:

Quy định hiện hành vẫn bảo đảm góp phần cân bằng giữa quyền được biết và quyền được bảo mật.

+ Tác động tiêu cực:

Việc không sửa đổi, bổ sung quy định này sẽ làm giảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Các đạo luật mới được ban hành trong thời gian qua như Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Lưu trữ... đã có một số quy định mới liên quan đến thông tin hạn chế tiếp cận hoặc thông tin tiếp cận có điều kiện, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Do đó, việc không sửa đổi, bổ sung quy định về vấn đề này tại Luật Tiếp cận thông tin có thể tạo ra sự mâu thuẫn với các quy định hiện hành.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

Nhìn chung, quy định về thông tin hạn chế tiếp cận và tiếp cận có điều kiện tại Luật Tiếp cận thông tin hiện hành không có vướng mắc, bất cập đáng kể trong quá trình triển khai thực hiện. Do đó, trường hợp không sửa đổi, bổ sung quy định này thì vẫn có cơ sở pháp lý để thực hiện, góp phần bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật thương mại, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và an toàn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Tác động tiêu cực:

Một số cơ quan còn gặp khó khăn, lúng túng trong việc xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng do khái niệm còn định tính, dễ bị diễn giải tùy tiện. Điều này có thể dẫn đến việc lạm dụng quyền từ chối cung cấp thông tin, làm suy giảm tính minh bạch và khả năng giám sát của người dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, qua đó ảnh hưởng đến nguyên tắc pháp quyền và niềm tin của công dân vào pháp luật.

(3) Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:

Việc giữ nguyên quy định này cơ bản không tạo ra sự bất bình đẳng cho phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong việc tiếp cận thông tin.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về sự cần thiết của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách

Không phát sinh thủ tục hành chính do không thay đổi chính sách.

b) Giải pháp 2: Quy định cụ thể thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tính hợp hiến:

+ Tác động tích cực:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định thông tin công dân không được tiếp cận theo hướng làm rõ thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng góp phần minh bạch hóa các thông tin công dân không được tiếp cận, từ đó, tạo thuận lợi cho công dân khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần Hiến pháp.

+ Tác động tiêu cực:

Việc xác định cụ thể thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng tại Luật Tiếp cận thông tin là rất khó vì liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Nếu bỏ sót thông tin về vấn đề này và để cho tiếp cận thì có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định về bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền con người và trật tự công cộng... tại Hiến pháp.

- Tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật:

+ Tác động tích cực:

Việc nghiên cứu, bám sát quy định tại các luật có liên quan và liệt kê đầy đủ các thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng tại Luật Tiếp cận thông tin sẽ bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

+ Tác động tiêu cực:

Khi quy định về vấn đề này tại các luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung sẽ ảnh hưởng đến tính ổn định của Luật Tiếp cận thông tin.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định thông tin công dân không được tiếp cận theo hướng thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp xác định phạm vi thông tin được tiếp cận, minh bạch hóa thông tin, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và an toàn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Điều này giúp nâng cao niềm tin của doanh nghiệp

đối với cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thu hút đầu tư và bảo đảm ổn định thị trường.

- Tác động tiêu cực:

Trường hợp các luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung mà Luật Tiếp cận thông tin chưa được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp sẽ gây lúng túng cho người dân, doanh nghiệp khi có nhu cầu tiếp cận thông tin do không có sự thống nhất giữa các luật về phạm vi thông tin không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện.

(3) Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này cơ bản không tạo ra sự bất bình đẳng cho phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong việc tiếp cận thông tin.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về sự cần thiết của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

a) Giải pháp 3: (i) Đối với thông tin không được tiếp cận: sửa đổi, bổ sung theo hướng việc xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện: sửa đổi, bổ sung theo hướng thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tính hợp hiến:

+ Tác động tích cực:

Việc sửa đổi quy định thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Đồng thời, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân được ban hành trong thời gian qua đều bám sát quy định của Hiến pháp về quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình... Do đó, việc quy định thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân là bảo đảm phù hợp với quy định về quyền con người, quyền công dân tại Hiến pháp.

+ Tác động tiêu cực:

Không có

- Tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật:

+ Tác động tích cực:

Qua rà soát cho thấy, một số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua có quy định về thông tin có thể tác động đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, như: Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ, Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ... Đồng thời, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đã quy định cụ thể về dữ liệu cá nhân và xử lý dữ liệu cá nhân (bao gồm cả việc cung cấp, công khai dữ liệu cá nhân).

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện như trên là phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành trong thời gian qua, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Từ đó, giúp cơ quan nhà nước dễ dàng áp dụng các quy định pháp luật để cung cấp thông tin cho công dân, đồng thời, tạo thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình.

+ Tác động tiêu cực:

Cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp khi muốn xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng phải nghiên cứu quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mà không áp dụng được trực tiếp quy định tại Luật Tiếp cận thông tin.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Tác động tích cực:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng xác định “giới hạn” phạm vi thông tin mà mình được tiếp cận hoặc những điều kiện cần đáp ứng trong trường hợp muốn tiếp cận thông tin. Từ đó, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi có nhu cầu tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc làm... hay các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế - xã hội do phạm vi thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu, thông tin không được tiếp cận và thông tin tiếp cận có điều kiện đã được minh bạch, góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội.

- Tác động tiêu cực:

Việc phải nghiên cứu quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mà không thể áp dụng trực tiếp quy định tại Luật Tiếp cận thông tin đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước hoặc người dân, doanh nghiệp phải có năng lực, trình độ ở mức độ nhất định để xác định thông tin có thuộc trường hợp gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng hay không.

(3) Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện cơ bản không tạo ra sự bất bình đẳng cho phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong việc tiếp cận thông tin.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích về sự cần thiết của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện đặt ra yêu cầu các cơ quan nhà nước phải thực hiện nhiều bước phức tạp hơn để xác định phạm vi thông tin không được tiếp cận và thông tin tiếp cận có điều kiện đối với các thông tin do cơ quan mình tạo ra. Đối với người dân, doanh nghiệp cũng cần thực hiện thêm thủ tục trong trường hợp có nhu cầu tiếp cận thông tin có điều kiện.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn giải pháp 3. (i) Đối với thông tin không được tiếp cận: sửa đổi, bổ sung theo hướng việc xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện: sửa đổi, bổ sung theo hướng thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ

Dưới đây là một số lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

(i) Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật

Trong bối cảnh các luật chuyên ngành mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, trong đó có nhiều quy định mới liên quan đến việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân thì việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện giúp tạo ra một khung pháp lý đồng bộ, thống nhất giữa các quy định liên quan đến tiếp cận thông tin.

(ii) Tăng cường niềm tin của người dân và doanh nghiệp

Việc tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch trong các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng xác định phạm vi thông tin được tiếp cận, thông tin không được tiếp cận và thông tin tiếp cận có điều kiện. Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện, người dân và doanh nghiệp cũng dễ dàng xác định những điều kiện cần thiết khi có nhu cầu tiếp cận thông tin trong từng trường hợp cụ thể. Từ đó, tăng cường niềm tin của người dân và doanh nghiệp vào hệ thống pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung.

(iii) Tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước khi thực hiện việc cung cấp thông tin

Khi các quy định về thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện tại Luật Tiếp cận thông tin thống nhất, đồng bộ với các quy định có liên quan tại các luật chuyên ngành sẽ giúp cơ quan nhà nước thuận tiện trong quá trình áp dụng pháp luật để cung cấp thông tin khi người dân, doanh nghiệp có yêu cầu. Từ đó, hạn chế việc cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin mà không có lý do chính đáng.

5. CHÍNH SÁCH 5: ĐA DẠNG HÓA PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP THÔNG TIN, TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO NGƯỜI DÂN

A. Xác định vấn đề bất cập

Mặc dù quy định về cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin khá đầy đủ và toàn diện, bao gồm cả công khai thông tin (Điều 17-21) và cung cấp thông tin theo yêu cầu (Điều 23–34), nhưng trong quá trình triển khai vẫn tồn tại bất cập như sau:

Thứ nhất, về công khai thông tin: Luật chưa quy định trách nhiệm của các cơ quan trong việc tích hợp, kết nối và chia sẻ thông tin liên thông nên trên thực tế, việc đăng tải các thông tin còn mang tính rời rạc, thiếu kết nối, liên thông, khó khai thác lại và thiếu thân thiện với người dùng.

Thứ hai, về cung cấp thông tin theo yêu cầu: (i) Luật chưa quy định về quy trình tiếp nhận – xử lý – lưu trữ yêu cầu cung cấp thông tin trực tuyến. Thực tế hiện nay, quy trình tiếp nhận — xử lý — trả lời yêu cầu phụ thuộc chủ yếu vào hồ sơ giấy (tiếp nhận trực tiếp, gửi bưu chính, lưu trữ bản cứng). Điều này tạo ra chi phí lớn về in ấn, lưu kho, nhân lực..., thời gian xử lý kéo dài do các bước chuyển giao thủ công và nhiều khâu kiểm duyệt bằng tay.; (ii) Các quy định tại Điều 29, 30, 31, 8 của Luật về thời hạn, phí, và khiếu nại, khởi kiện khi bị từ chối cung cấp thông tin chưa gắn liền với một hệ thống quản lý điện tử minh bạch. Việc tra cứu hồ sơ, đối chiếu nội dung và tổng hợp báo cáo phụ thuộc vào thao tác thủ công, dễ sai sót và không đáp ứng được yêu cầu theo dõi thời gian thực.

B. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin nhằm bảo đảm việc tiếp cận thông tin được thuận tiện, nhanh chóng, hiệu quả.

- Tạo điều kiện thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và khai thác thông tin trên môi trường mạng chính xác, thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh song vẫn tiết kiệm chi phí cho Nhà nước cũng như tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện chuyển đổi số, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công khai thông tin nhằm bảo đảm mở rộng quyền chủ động tiếp cận thông tin của người dân, giảm việc tiếp cận thông tin theo yêu cầu.

C. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

**** Tác động tích cực***

Không tốn chi phí rà soát pháp luật, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan nhằm tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

**** Tác động tiêu cực***

- *Về tính hợp hiến:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành về cung cấp thông tin có thể không ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp hiến của chính sách, nhưng các quy định hiện hành công khai thông tin còn tản mát, gây khó khăn, làm giảm quyền được tiếp cận thông tin kịp thời của công dân.

- *Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của chính sách:* chưa đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành trong việc đẩy mạnh ứng dụng thông tin và chuyển đổi số trong quy định tại các luật khác (Luật Giao dịch điện tử, Luật Dữ liệu, Luật Công nghệ thông tin sửa đổi...)

- *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Việc giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin công khai không tác động tích cực đến nỗ lực của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết của Công ước ICCPR.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội

**** Tác động tích cực:***

- Không tốn kém chi phí cho việc tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong việc cập nhật quy định mới.

**** Tác động tiêu cực:***

Đối với nhà nước

- Quy trình tiếp nhận, xử lý và trả lời yêu cầu cung cấp thông tin chủ yếu dựa trên văn bản giấy, thủ công, tốn kém chi phí in ấn, lưu trữ và nhân sự xử lý. Hồ sơ yêu cầu và trả lời bằng giấy đòi hỏi không gian lưu trữ vật lý, dễ bị thất lạc hoặc hư hỏng, đồng thời cũng gây khó khăn cho công tác tra cứu, quản lý và bảo mật thông tin.

- Khó khăn trong việc thống kê, tổng hợp và báo cáo số liệu về việc cung cấp thông tin, làm giảm tính minh bạch và hiệu quả quản lý. Việc tổng hợp số liệu thủ công rất mất thời gian, dễ sai sót, khiến báo cáo thiếu tính kịp thời và chính xác.

Đối với người dân, doanh nghiệp

- Chậm trễ trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất- kinh doanh do thời gian chờ đợi trả lời bởi quy trình xử lý thủ công phức tạp, làm gia tăng rủi ro trong kinh doanh. Chi phí để "có được thông tin một cách kịp thời, chính xác" trở thành một loại chi phí giao dịch ẩn, làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

- Người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc theo dõi tình trạng xử lý Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin: điều này làm hạn chế hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và môi trường kinh doanh minh bạch mà Chính phủ đang theo đuổi vì không có cơ chế để giám sát quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng.

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

b) Giải pháp 2. Quy định các giải pháp ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin

Nội dung của giải pháp: Số hóa toàn bộ thông tin và quy trình công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu, quy định cụ thể việc tích hợp, kết nối, liên thông Cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin chuyên ngành (nếu có). Triển khai hệ thống tra tiếp nhận- xử lý- tra cứu hồ sơ trực tuyến -thống kê, tổng hợp số liệu tiếp cận thông tin trực tuyến.

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tính hợp hiến:* Số hóa toàn bộ thông tin và quy trình công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu chưa đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ về quyền tiếp cận thông tin đối với nhóm yếu thế, có thể bỏ sót đối tượng là những người già cả, ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hoặc người có thu nhập thấp thường gặp khó khăn tiếp cận kênh trực tuyến do hạn chế thiết bị, hạ tầng Internet, hoặc kỹ năng số, do đó, chưa thực sự bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật: Số hóa toàn bộ thông tin và quy trình công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu *một mặt* sẽ đồng bộ với hệ thống pháp luật về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, góp phần làm rõ và tăng hiệu lực thực thi của các quy định tại Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Công nghệ thông tin năm 2006 (đang được sửa đổi), Luật Lưu trữ, Luật Tiếp cận thông tin, tạo nên một hệ sinh thái pháp lý thống nhất về cung cấp, chia sẻ và khai thác thông tin công, *mặt khác* có thể phát sinh xung đột hoặc chồng chéo giữa Luật Tiếp cận thông tin với các luật chuyên ngành có quy định riêng về dữ liệu, thông tin (như Luật Cơ yếu, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước...).

- *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Việc sửa đổi quy định hiện hành về Số hóa toàn bộ thông tin và quy trình công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện thúc đẩy ứng dụng thông tin, tạo thuận lợi cho người dân về tiếp cận thông tin, tuy nhiên, lại có thể bỏ sót đối tượng yếu thế do bị hạn chế về công nghệ, đường truyền... nên chưa thực sự đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR, chưa thực sự hỗ trợ thực thi Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên hợp quốc, nhất là Mục tiêu 16: “Bảo đảm tiếp cận công bằng với công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, minh bạch, có trách nhiệm ở mọi cấp.”

- Phát sinh yêu cầu rà soát, bổ sung, đồng bộ các luật liên quan (Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng...).

- Phát sinh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử, chữ ký số, bảo mật thông tin để đảm bảo tính pháp lý của các hoạt động trực tuyến.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội

**** Tác động tích cực:***

Đối với nhà nước

- Số hóa toàn bộ thông tin và quy trình công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện, giảm chi phí, thời gian tìm kiếm.

- Góp phần liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tăng cường chia sẻ, khai thác thông tin, tránh trùng lặp, giảm tải yêu cầu cung cấp thông tin thủ công.

Đối với người dân, doanh nghiệp

- Tạo thuận lợi cho việc yêu cầu, tra cứu và nhận thông tin mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.

- Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận toàn văn báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, quy hoạch xây dựng chi tiết... thông qua nguồn dữ liệu mở, chính thống. Điều này giúp họ đưa ra quyết định đầu tư chính xác, tránh được các rủi ro pháp lý, thu hút thêm vốn đầu tư trong và ngoài nước, dẫn đến việc mở rộng sản xuất, thành lập doanh nghiệp mới và tạo ra nhiều việc làm chất lượng cho người lao động.

- Việc công khai đầy đủ, kịp thời các thông tin về y tế, môi trường, văn hóa, kinh tế - xã hội... trên môi trường mạng giúp người dân dễ theo dõi, giám sát; cho phép các cơ quan y tế, quản lý môi trường phản ứng nhanh, giảm chi phí điều trị, hỗ trợ kịp thời khi phát sinh dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, thiên tai, sự cố.... Đồng thời, nâng cao mức độ minh bạch, tin cậy và hiệu quả tương tác với cơ quan nhà nước, tăng cường niềm tin vào thể chế công quyền.

*** Tác động tiêu cực:**

Đối với Nhà nước:

- Thúc đẩy liên thông dữ liệu, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, góp phần hình thành nền hành chính số, minh bạch và hiệu quả, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc tổ chức, bảo đảm quyền này thông qua công nghệ hiện đại.

- Đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn về hạ tầng công nghệ thông tin, nhân lực và tài chính, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và năng lực vận hành hệ thống số, nếu không đồng bộ có thể dẫn đến tình trạng hình thức, kém hiệu quả. Trong khi các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan ở địa phương thường gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực cho ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Có thể phát sinh rủi ro về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, tính chính xác và kiểm chứng của thông tin số. Chuyển đổi số làm tăng khả năng bị tấn công mạng, gây gián đoạn hoạt động của các cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước cần có các biện pháp bảo đảm an ninh mạng hiệu quả để hạn chế các rủi ro này.

- Tốn chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan nhà nước vì những người này thường có trình độ chuyên môn cao về chuyên môn nghiệp vụ nhưng lại thiếu kiến thức và kỹ năng về công nghệ số.

Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Phải học cách tiếp cận hệ thống số mới, ban đầu có thể mất thời gian, chi phí thích ứng.

- Rủi ro mất an toàn, an ninh thông tin, đặc biệt với dữ liệu công dân.

Một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế kỹ năng số, thiếu thiết bị, hạ tầng Internet dẫn đến khó tiếp cận thông tin. Phương án này không bảo

đảm tính bao trùm, bỏ sót đối tượng là những người già cả, ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hoặc người có thu nhập thấp thường gặp khó khăn tiếp cận kênh trực tuyến do hạn chế thiết bị, hạ tầng Internet, hoặc kỹ năng số, chưa biết tận dụng ưu thế của công nghệ số, do đó, có thể xuất hiện tình trạng thiếu công bằng, gây khó khăn cho nhóm đối tượng này trong tiếp cận thông tin công.

(3) *Tác động về giới (nếu có)*: thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) *Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*: Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh mới thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

Tóm lại: Giải pháp 2 có tác động tích cực rõ rệt, lâu dài và bền vững trong việc nâng cao hiệu quả thực thi quyền tiếp cận thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, cần đi kèm biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, đầu tư hạ tầng, và cơ chế hỗ trợ nhóm yếu thế để giảm thiểu tác động tiêu cực, bảo đảm tính bao trùm và khả thi khi triển khai.

c) Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận thông tin

Nội dung của giải pháp⁵

(1). Bổ sung phương thức công khai thông tin tại Điều 18 qua cổng dữ liệu mở; qua các kênh truyền thông xã hội chính thức (Zalo OA, Fanpage, ứng dụng di động được cấp phép của cơ quan nhà nước)..., bảo đảm kiểm soát nguồn thông tin, tránh giả mạo⁶.

(2) Bổ sung phương thức cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Điều 24 qua ứng dụng di động, qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc các nền tảng số thân thiện với người dùng; cung cấp thông tin trực tuyến, toàn trình, đồng thời vẫn bảo đảm khả năng tiếp cận cho người khuyết tật, người dân ở vùng sâu, vùng xa... không có khả năng tiếp cận thông tin qua mạng điện tử,

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

⁵ “Cơ quan nhà nước có trách nhiệm đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, bảo đảm người dân được lựa chọn phương thức phù hợp, bao gồm cung cấp trực tiếp, qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động, dịch vụ bưu chính, hoặc các hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin phải bảo đảm thuận tiện, dễ tiếp cận đối với mọi đối tượng, đặc biệt là người khuyết tật, người dân ở vùng sâu, vùng xa.”

⁶ Thời điểm năm 2018, số lượng kênh Zalo OA của các đơn vị nhà nước và khối tiện ích chỉ dừng lại ở con số 74. Sau 6 năm, tổng số Zalo OA đã đạt 17.273, tăng trưởng vượt bậc sau từng năm. Nhiều Zalo OA đạt số lượng người theo dõi lớn như Zalo OA “Bộ Y tế” hay Zalo OA “Thông tin Chính phủ”. Là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng Zalo OA, Bộ Y tế đã sử dụng công nghệ mới trong thời điểm dịch COVID-19 diễn ra để gửi đi những thông tin chính thống đầu tiên về dịch bệnh đã được gửi đến người dân thông qua Zalo. Hiện tại, OA của Bộ Y tế có lượng người theo dõi lớn nhất trên nền tảng Zalo với gần 10 triệu lượt theo dõi (https://vjst.vn/zalo-da-co-hon-17-000-tai-khoan-chinh-thuc-cua-co-quan-nha-nuoc-don-vi-tien-ich-68473.html?utm_source=chatgpt.com)

*** Tác động tích cực:**

- *Tính hợp hiến:* Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin có tác động tích cực đến việc bảo đảm cao hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

- *Tính hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật:* Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin có ứng dụng CNTT, chuyển đổi số sẽ đồng bộ với hệ thống pháp luật về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tăng hiệu quả tiếp cận thông tin của cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp.

- *Tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên:* Việc sửa đổi quy định hiện hành về về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong việc cung cấp thông tin thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo các cam kết tại Công ước ICCPR.

*** Tác động tiêu cực:**

- Phát sinh yêu cầu rà soát, bổ sung, đồng bộ các luật liên quan (Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng...).

- Phát sinh yêu cầu bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử, chữ ký số, bảo mật thông tin để đảm bảo tính pháp lý của các hoạt động trực tuyến.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội

*** Tác động tích cực:**

Như Phương án 2. Tuy nhiên, chính sách này đã quan tâm đến quyền lợi của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn hạn chế kỹ năng số, thiếu thiết bị, hạ tầng Internet dẫn đến khó tiếp cận thông tin. Phương án này bảo đảm tính bao trùm, không bỏ sót đối tượng là những người già cả, ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số hoặc người có thu nhập thấp thường gặp khó khăn tiếp cận kênh trực tuyến do hạn chế thiết bị, hạ tầng Internet, hoặc kỹ năng số, chưa biết tận dụng ưu thế của công nghệ số, do đó, đảm bảo công bằng, thuận lợi cho nhóm đối tượng này trong tiếp cận thông tin công.

*** Tác động tiêu cực:**

Như Phương án 2, tuy nhiên, chính sách này không gây bất lợi cho nhóm yếu thế, bị hạn chế kỹ năng số, thiếu thiết bị, hạ tầng Internet dẫn đến khó tiếp cận thông tin.

(3) *Tác động về giới (nếu có):* thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) *Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh mới thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

D. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn giải pháp 3. Kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thông và ứng dụng công nghệ số. Qua đánh giá tác động và cân nhắc các chi phí, lợi ích, tác động tích cực, tiêu cực của mỗi giải pháp cho thấy giải pháp 3 có nhiều tác động tích cực hơn, phù hợp xu thế chuyển đổi số, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Tác động tiêu cực chủ yếu là chi phí ban đầu nhưng có thể khắc phục, trong khi lợi ích lâu dài, bền vững lớn hơn nhiều. Cụ thể, các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

(iv) Đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế dữ liệu: Luật chuyên ngành gần đây đã đi theo hướng dữ liệu mở (ví dụ: Luật Dữ liệu 2024), việc cập nhật Luật Tiếp cận thông tin giúp hình thành khung pháp lý chung, hỗ trợ Chính phủ số, kinh tế số.

(v) Đáp ứng yêu cầu minh bạch, phòng chống tham nhũng: Việc tiếp cận thông tin không bị giới hạn bởi thời gian làm việc hành chính và địa lý. Dữ liệu thông tin được công khai, minh bạch, tăng hiệu quả giám sát và đánh giá hoạt động của các cơ quan nhà nước.

(vi) Tạo niềm tin và đồng thuận xã hội, bảo vệ nhóm yếu thế: Những đối tượng khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ số, thông tin số vẫn có phương án để hỗ trợ họ hiệu quả, kịp thời.

(vii) Tăng tính linh hoạt, thân thiện và kịp thời trong cung cấp thông tin, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu mở, phù hợp với xu thế chính phủ số, xã hội số.

6. CHÍNH SÁCH 6. ĐIỀU CHỈNH QUY ĐỊNH VỀ CHI PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

A. Xác định vấn đề bất cập

Ngày 14/5/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 46/2018/TT-BTC quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin, cụ thể (i) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin (sau đây gọi là người yêu cầu cung cấp thông tin) không phải trả phí, lệ phí cung cấp thông tin nhưng phải **trả chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi** thông tin yêu cầu (ii) Chi phí in, sao, chụp thực hiện theo mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm Thông tư này; đối với cơ quan nhà nước đóng *tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, mức thu được giảm còn 70%; tại địa bàn đặc biệt khó khăn, mức thu còn 50%*; (iii) Người yêu cầu cung cấp thông tin **không phải trả chi phí gửi thông tin yêu cầu cung cấp qua mạng điện tử, fax**”.

Quy định trên đã tạo cơ sở pháp lý ban đầu cho việc thu, quản lý chi phí cung cấp thông tin, giúp cơ quan nhà nước có căn cứ để bù đắp chi phí in, sao,

gửi thông tin cho người yêu cầu; Có sự linh hoạt bước đầu cho địa bàn khó khăn, thể hiện tính nhân văn của chính sách; Từng bước khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin (vì người yêu cầu không phải trả chi phí gửi qua mạng điện tử).

Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, chính sách này đã bộc lộ bất cập như:

Chưa có quy định về chi phí số hóa và truy cập điện tử, trong khi đây là hướng chính của Chính phủ số. Trong bối cảnh triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số, phần lớn thông tin đã được lưu trữ, cung cấp qua môi trường mạng. Tuy nhiên, Luật và Thông tư hiện hành chưa quy định rõ chi phí cung cấp thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử. Điều này gây khó khăn trong việc: Xác định cơ quan nào được phép thu phí truy xuất dữ liệu số; Thiếu căn cứ pháp lý cho việc miễn phí truy cập dữ liệu mở; Gây chòng chéo với các quy định trong Luật Giao dịch điện tử 2023 (khoản 2 Điều 43 quy định miễn phí đối với dữ liệu mở, Luật Đất đai 2024 (Khoản 5 Điều 166 quy định chi phí cung cấp thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử); Luật Lưu trữ (Điểm b khoản 2 Điều 26 quy định Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ có các nghĩa vụ trả phí sử dụng tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật).

Do đó, cần sửa đổi, hoàn thiện chính sách về chi phí tiếp cận thông tin, nhằm bảo đảm minh bạch quản trị và nâng cao hiệu quả tài chính công.

B. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xây dựng cơ chế thu phí nhằm bảo đảm hài hòa **giữa quyền tiếp cận thông tin và quản lý tài chính công**, một mặt tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin thuận lợi, mặt khác đảm bảo Nhà nước có cơ chế tài chính hợp lý để duy trì hoạt động cung cấp thông tin

- Thúc đẩy chuyển đổi số và dữ liệu mở, thúc đẩy nhanh tiến trình số hóa dữ liệu công.

C. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

Nội dung chính sách: tiếp tục áp dụng quy định tại Điều 12 và Điều 27 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, theo đó: người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin; Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể (hiện hành là Thông tư 46/2018/TT-BTC).

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

*** Ưu điểm**

Giải pháp này có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định tạm thời của hệ thống pháp luật, tránh xáo trộn trong giai đoạn đầu sửa luật.

Giữ vững sự thống nhất với các luật có liên quan (Luật Phí và lệ phí 2015, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Lưu trữ, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Đất đai...), tránh tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo.

Phù hợp với nguyên tắc tài chính công và Luật Phí, lệ phí. Luật Phí và lệ phí năm 2015 xác định nguyên tắc: “người sử dụng dịch vụ công theo yêu cầu phải trả phí tương ứng để bù đắp chi phí”. Chính sách hiện hành tuân thủ đúng nguyên tắc đó, bảo đảm minh bạch, trách nhiệm tài chính và phù hợp cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bảo đảm tính ổn định trong hoạt động quản lý tài chính công: cơ chế thu – chi phí thực tế đã quen thuộc, các đơn vị đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện.

Tránh phải ban hành văn bản hướng dẫn mới hoặc điều chỉnh hệ thống phần mềm, biểu mẫu, sổ sách kế toán của các cơ quan nhà nước.

*** Hạn chế**

Không khắc phục được các bất cập đã được nhận diện: thiếu cơ chế miễn/giảm đối với đối tượng yếu thế, chưa phù hợp chuyển đổi số.

(2) Tác động kinh tế - xã hội

*** Đối với Nhà nước**

Ưu điểm

Thông tư 46/2018/TT-BTC đã quy định cụ thể, chi tiết về mức thu, phương pháp tính chi phí và chế độ quản lý, giúp dễ dàng triển khai trên thực tế. Cơ chế hiện hành giới hạn chi phí trong khung cụ thể, tránh lạm thu hoặc tùy tiện áp dụng khác nhau giữa các cơ quan.

Cơ quan nhà nước không phải điều chỉnh quy trình nghiệp vụ, tập huấn cán bộ, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hoặc thay đổi cách hạch toán thu – chi. Việc duy trì quy định hiện hành giúp giữ nguyên thủ tục, mức chi phí quen thuộc, tránh bối rối và giảm rủi ro sai sót khi áp dụng.

Nhà nước không phải gánh toàn bộ chi phí cho yêu cầu thông tin, tránh gia tăng gánh nặng ngân sách trong bối cảnh còn nhiều ưu tiên chi tiêu an sinh – xã hội khác.

Việc thu theo chi phí thực tế (không thu phí cố định) giúp bảo đảm tính hợp lý, không mang tính kinh doanh, giữ đúng bản chất của “chi phí hoàn trả”, không biến thành một loại phí hoặc lệ phí mới.

Hạn chế

Tiếp tục tạo gánh nặng hành chính trong việc cung cấp thông tin, có thể làm chậm quá trình chuyển đổi số, cung cấp thông tin trên môi trường mạng.

*** Đối với người dân, doanh nghiệp**

Bảo đảm tính công bằng theo nguyên tắc “ai yêu cầu, người đó trả chi phí thực tế”, hạn chế tình trạng yêu cầu thông tin tràn lan, lãng phí nguồn lực.

Giữ nguyên quy định hiện hành giúp bảo đảm công bằng giữa các địa phương: nơi có điều kiện kinh tế khó khăn vẫn được giảm mức thu (70% hoặc 50%), thể hiện tính nhân văn và linh hoạt của chính sách.

Phù hợp với mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin ở Việt Nam: chưa thể chuyển hoàn toàn sang cơ chế số hóa, truy cập điện tử hoặc dữ liệu mở.

Tạo thời gian “đệm” để cơ quan nhà nước chuẩn bị cơ sở dữ liệu, nhân lực, quy trình cho giai đoạn cải cách tiếp theo (chuyển sang cơ chế phí điện tử hoặc miễn/giảm có điều kiện).

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

b) Giải pháp 2: Miễn toàn bộ chi phí tiếp cận thông tin

Nội dung chính sách: Sửa đổi Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin theo hướng: “Người yêu cầu cung cấp thông tin không phải trả bất kỳ chi phí nào, Nhà nước chịu toàn bộ chi phí để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin”; Bãi bỏ Thông tư 46/2018/TT-BTC, thay bằng cơ chế cấp kinh phí cho cơ quan nhà nước từ ngân sách.

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Việc sửa đổi Điều 12 theo hướng miễn toàn bộ chi phí góp phần thực thi đầy đủ quyền hiến định của công dân về tiếp cận thông tin (Điều 25 Hiến pháp 2013) và quyền được thông tin trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, Điều 19).

Chính sách này thống nhất quan điểm “quyền tiếp cận thông tin là quyền cơ bản, không bị ràng buộc bởi khả năng tài chính”, phù hợp xu hướng quốc tế ở một số nước Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy) nơi quyền tiếp cận thông tin được thực hiện miễn phí toàn phần. Có thể xung đột một phần với Luật Phí và lệ phí năm 2015, bởi Luật này quy định nguyên tắc: tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo yêu cầu phải nộp phí tương ứng để bù đắp chi phí.

Có thể tạo ra sự không thống nhất với các lĩnh vực khác (như Luật Lưu trữ, Luật Thống kê, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng) — vì các lĩnh vực này vẫn thu phí sao chụp hoặc khai thác thông tin chuyên ngành.

Cần quy định cơ chế cấp kinh phí từ ngân sách để tránh khoảng trống pháp lý và bảo đảm hoạt động của cơ quan cung cấp thông tin không bị gián đoạn.

(2) Tác động kinh tế – xã hội

a) Tác động tích cực

Giảm rào cản tài chính cho người dân, đặc biệt nhóm yếu thế, giúp mọi công dân đều có thể yêu cầu và sử dụng thông tin công mà không bị chi phí cản trở.

Khuyến khích báo chí, tổ chức xã hội, viện nghiên cứu tiếp cận dữ liệu nhà nước phục vụ giám sát, phân tích chính sách, qua đó tăng tính minh bạch và hiệu quả quản trị công.

Góp phần thúc đẩy văn hóa minh bạch, tăng cường niềm tin của xã hội đối với cơ quan công quyền.

b) Tác động tiêu cực

Tăng chi ngân sách

Tác động hành vi: không có rào cản tài chính, người dân hoặc tổ chức có thể yêu cầu thông tin tràn lan, bao gồm cả yêu cầu lặp lại hoặc không cần thiết, gây quá tải hệ thống hành chính.

Trong điều kiện hiện nay, việc cấp kinh phí toàn phần từ ngân sách chưa khả thi vì chưa có dự toán riêng và cơ chế bù đắp ổn định cho các cơ quan thực hiện.

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

c) Giải pháp 3: Quy định về phí cung cấp thông tin và có cơ chế miễn, giảm hợp lý

Nội dung chính sách

Sửa đổi, bổ sung Điều 12 và Điều 27 Luật Tiếp cận thông tin theo hướng quy định phí cung cấp thông tin và thiết lập cơ chế miễn, giảm có điều kiện, cụ thể:

- Miễn, giảm phí cung cấp thông tin đối với người yêu cầu thuộc nhóm yếu thế (người khuyết tật, người có công, hộ nghèo, cận nghèo...);
- Quy định phí cung cấp thông tin theo yêu cầu và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể

(1) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Làm rõ, cụ thể hóa quy định hiện hành (Điều 12, Điều 27): tạo sự thống nhất pháp lý trong cách tính và áp dụng chi phí cung cấp thông tin.

Thống nhất với các luật hiện hành liên quan đến chi phí cung cấp thông tin (Luật Đất đai, Luật lưu trữ, Luật Dữ liệu điện tử...).

(2) Tác động đối với kinh tế - xã hội

Tăng truy cập thông tin công trên mạng điện tử, thúc đẩy minh bạch, giảm chi phí tìm kiếm thông tin cho doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và công dân — hỗ trợ đổi mới, khởi nghiệp và ra quyết định đầu tư. Khuyến khích công khai tối đa thông tin trên cổng thông tin, dữ liệu mở để giảm yêu cầu trực tiếp, theo đó góp phần giảm chi phí hành chính cho cơ quan nhà nước.

Hỗ trợ nhóm yếu thế nhờ miễn/giảm phí, góp phần giảm rào cản tiếp cận dịch vụ công và thông tin thiết yếu (y tế, an sinh, chính sách).

Tăng khối lượng công việc hành chính trong ngắn hạn: cần lập, ban hành biểu mẫu mới; đào tạo cán bộ; nâng cấp hệ thống CNTT.

(3) Tác động về giới (nếu có): thực hiện chính sách này không tác động, ảnh hưởng về giới.

(4) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có): Thực hiện chính sách này, không làm phát sinh thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức.

Rõ ràng về chi phí và tiêu chí miễn/giảm giúp tiêu chuẩn hóa thủ tục, giảm thời gian giải quyết các yêu cầu đơn giản (nếu được xử lý tự động).

Có nguy cơ thủ tục hóa: nếu có yêu cầu chứng minh để được miễn/giảm (ví dụ phải nộp giấy tờ chứng minh là hộ nghèo), điều này có thể tạo thêm rào cản cho người dân, làm tăng chi phí thời gian và phức tạp hóa thủ tục.

D. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Lựa chọn giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu

Qua đánh giá tác động và cân nhắc các chi phí, lợi ích, tác động tích cực, tiêu cực của mỗi giải pháp cho thấy giải pháp 1 có nhiều tác động tích cực hơn, không tạo thêm gánh nặng chi phí yêu cầu cung cấp thông tin đối với người dân, doanh nghiệp, nhưng mặt khác Nhà nước cũng không phải gánh toàn bộ chi phí cho đề nghị cung cấp thông tin, tránh gia tăng gánh nặng ngân sách trong bối cảnh còn nhiều ưu tiên chi tiêu an sinh – xã hội khác. . Cụ thể, các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Việc thu theo chi phí thực tế (không thu phí cố định) giúp bảo đảm tính hợp lý, không mang tính kinh doanh, giữ đúng bản chất của “chi phí hoàn trả”, không biến thành một loại phí hoặc lệ phí mới.

- Bảo đảm tính công bằng theo nguyên tắc “ai yêu cầu, người đó trả chi phí thực tế”, hạn chế tình trạng yêu cầu thông tin tràn lan, lãng phí nguồn lực.

- Bảo đảm công bằng giữa các địa phương: nơi có điều kiện kinh tế khó khăn vẫn được giảm mức thu (70% hoặc 50%), thể hiện tính nhân văn và linh hoạt của chính sách.

- Phù hợp với mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin ở Việt Nam; tạo thời gian “đệm” để cơ quan nhà nước chuẩn bị cơ sở dữ liệu, nhân lực, quy trình cho giai đoạn cải cách tiếp theo (chuyển sang cơ chế phí điện tử hoặc miễn/giảm có điều kiện).

III. PHỤ LỤC

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- UBPL&TP của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PLHSHC

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hải Ninh